

CÔNG GIÁO THẾ KỈ XX: VÀI KHÍA CẠNH TIẾN TRIỂN CỦA THẦN HỌC

ĐỖ QUANG HÙNG (*)

NHẬP ĐỀ:

Nghiên cứu về đạo Kitô nói chung và về Công giáo nói riêng không thể không nghiên cứu về thần học.

Giáo lí Kitô giáo dựa trên nền tảng Kinh Thánh, được hiểu như là sự *mặc khải* của Thiên Chúa cho loài người về Đấng Sáng Thế, về con người và vũ trụ, về sự *cứu độ*...

Bộ môn thần học ra đời ngay trong lòng các Hiệp hội Cơ Đốc sơ kì, đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành giáo lí và các học thuyết Kitô giáo. Dù muốn hay không tiến trình của thần học không thể thoát khỏi điều kiện sống của con người nơi trần thế.

Đặc biệt ở thế kỉ XX, thế giới Công giáo có thêm những biến động, những sự thay đổi to lớn mà chính thần học lại là địa hạt bị chấn động đầu tiên. Với người Kitô hữu, nói chung, thần học là "*đức tin đi tìm kiếm lí trí*" trong đó bao gồm các bộ môn chính như: Tín lí, Luân lí, Mục vụ...

Và lại, sự biến chuyển ấy, đặc biệt sự nảy sinh các khuynh hướng thần học mới ngay trong lòng Giáo hội tự nó đã nói lên những áp lực về xã hội, chính trị và kinh tế; về văn hoá, khoa học nghệ thuật và lối sống, v.v... của một thế kỉ được coi là có nhiều biến động lớn lao bậc nhất của lịch sử nhân loại - thế kỉ XX - mà đạo Công giáo nếu muốn tồn tại phải xác quyết đường hướng thích nghi, hội nhập như Công đồng Vatican II (1962-1965) đã khẳng định.

Bài viết này gồm 2 phần:

a) Sơ lược vài nét về thần học Kitô giáo trước thế kỉ XX.

b) Những khuynh hướng mới của thần học thế kỉ XX và ảnh hưởng của chúng tới Giáo hội Rôma và đời sống Công giáo.

Tác giả bài viết này không có tham vọng đi sâu vào những góc ngách của các vấn đề thần học vốn rất phức tạp, mà chủ yếu xem xét sự hình thành phát triển và ảnh hưởng qua lại của các khuynh hướng thần học mới trong thế kỉ XX đối với thế giới Kitô giáo và với xã hội nói chung. Và tác giả cũng chỉ coi đây là sự "làm quen" với lĩnh vực nghiên cứu thần học mà thôi.

PHẦN THỨ NHẤT

VÀI NÉT VỀ THẦN HỌC CỔ ĐIỂN

1. Thần học là gì ?

Theo các sách giáo khoa về *thần học*, thì gốc của từ này *Théologia* (tiếng Hy Lạp), dùng để chỉ *những gì người ta nói về thần linh và sự vật linh thiêng*. Các thi sĩ Hy - La cổ đại, nhất là thời Platon, khi ca ngợi thần thánh thường được gọi là *Théologos*.

Origène sống vào giữa thế kỉ III, là người Kitô giáo đầu tiên dùng từ này để chỉ các tri thức của con người về Thiên Chúa. Sau đó, các *giáo phụ* (Pères de l'Eglise) Hy Lạp bắt

*. PGS.TS. Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

đầu dùng nó (theo ý nghĩa thần học là: học thuyết chân chính về Thiên Chúa).

Phải đến thế kỉ XII chữ *thần học* mới có nội dung chuyên môn nhất định. Đa số các nhà thần học khi đó tự cho môn học này là một nỗ lực của trí tuệ, là một khoa tìm hiểu, đào sâu mầu nhiệm Thiên Chúa và các chân lí mạc khải. Chính Abélard (đầu thế kỉ XII) là người đầu tiên dùng từ *Théologia* theo nghĩa ấy. Riêng Thánh Thomas d'Aquin cũng đã dùng từ này bên cạnh một từ có vẻ bao quát, phổ thông hơn là "Sacra Doctrina" (Học thuyết Thánh).

Như vậy, môn thần học với người Kitô giáo, chính là sự vận dụng trí tuệ để hiểu Lời Chúa (Thiên Chúa truyền sự khôn ngoan cho con người qua Lời Ngài) trong ánh sáng của Đức Tin.

Nhà thần học Pháp nổi tiếng đầu thế kỉ XX là Yves Congar cũng nói: "Thần học phát sinh và sống nhờ nỗ lực của con người để suy tư và diễn tả Đức tin theo cách thức của lí trí và bằng cách tận dụng các năng lực của lí trí"⁽¹⁾.

Vậy *đối tượng nghiên cứu* của thần học là gì? Các sách thần học trình bày khá phức tạp, nhưng đại thể là:

- Đối tượng chính là Thiên Chúa, là các *chân lí Mạc khải* về Thiên Chúa (trong đó Mầu nhiệm Chúa 3 ngôi là trung tâm điểm của Kitô giáo). Đối tượng này cho thấy, thần học trước hết là hoạt động của Đức tin, khác với các môn học về tôn giáo cụ thể. Karl Barth, nhà thần học Tin Lành rất nổi tiếng, thường nói theo cách của các *giáo phụ* thời Giáo hội sơ khai: "Vì nó phi lí, nên tôi tin".

- Sự vận dụng trí tuệ để tìm hiểu và diễn tả Đức tin. Đối tượng nghiên cứu này liên quan đến *một định nghĩa cổ điển* về thần học của Thánh Ansein thời Trung cổ: "Trình tự hợp lí đòi hỏi chúng ta, trước hết tin vào các mầu nhiệm Đức tin Kitô giáo trước khi dám khảo sát các mầu nhiệm ấy theo lí trí..."⁽²⁾.

Nhưng cũng phải nói thêm là, qua lịch sử, thần học cũng đã chuyển từ *thần học suy lí* (Théologie Spéculative) của thời Thomas, qua thứ thần học hiện đại, nó bao quát thêm với các môn như: lịch sử Giáo hội, lịch sử các tín điều, giáo phụ, lịch sử phụng vụ... phong phú hơn, gần đời sống đạo hơn.

Với ý nghĩa đó, các cuốn *Từ điển Đức tin Kitô giáo* sau này có định nghĩa đầy đủ hơn về từ *Theologie*. Theo đó thì:

- Sự giải thích thần thoại về thế giới nơi các nhà tư tưởng Hy Lạp (trước Aristốt), triết học siêu hình (nơi Aristốt).

- Sự hiểu biết về những sự vật thần linh nói chung; Khoa học về một Thiên Chúa và sự mạc khải (cổ đại Kitô giáo).

- Từ thế kỉ XII, XIII, là sự phát triển tri thức về Thiên Chúa và Khoa chú giải Kinh Thánh, vốn là các yếu tố cơ bản của Đức tin Kitô giáo, đã đáp ứng sự tìm kiếm tự phát của trí tuệ để làm cho Đức tin đậm rễ sâu vào trong cuộc sống của tâm trí con người...⁽³⁾.

Từ những định nghĩa ấy, chúng ta có thể rút ra kết luận là, vì Giáo lí Kitô giáo chủ yếu là những *Mạc khải* của Thiên Chúa qua Thánh Kinh nên phải có sự "giải thích", cung cấp cho con người cách nhìn nhận, triển khai, để có thể trả lời những thắc mắc, lo âu, tìm kiếm của con người về sự *Cứu độ* của Thiên Chúa... nên phải có môn học này, mà khởi đầu chính là nền *Thần học của các giáo phụ* Latinh và Hy Lạp ngay ở các thế kỉ đầu Công nguyên.

2. Giai đoạn thứ nhất của thần học: Thời kì các Giáo phụ hay các nhà Minh giáo hoặc Biện giáo (Apologistes)

Chữ *Minh giáo* (Biện giáo, hộ giáo), như cách dịch của người Công giáo Việt Nam, được dịch từ *Apologia* gốc từ chữ Hy Lạp,

1. *Dẫn vào thần học*. Tủ sách Đại Kết, Nxb Tp.HCM, 1996, tr. 6. Dẫn lại của L.m Nguyễn Văn Tuyên.

2. Xem: *Introducing contemporary Théologies* của Neil Ormerod, New York, 1997. Dẫn lại trong *Thời sự Thần học*, số 17, 9-1999, tr. 16.

3. Chẳng hạn, xem: *Từ điển Đức tin Kitô giáo* của O.de la Brosse..., 1998. Bản dịch.

nghĩa là *bệnh vực, biện minh* cho việc ra đời thứ tôn giáo mới ngay trong lòng cộng đồng Do Thái giáo.

Đúng vậy! Trong những thế kỉ đầu Công nguyên, đạo Kitô không chỉ bị Hoàng đế La Mã đàn áp mà còn bị coi là nhóm li khai, chống đối Do Thái giáo. Hơn thế nữa, các giáo phụ còn phải tìm kiếm *nhiều mệnh đề thần học* (Kitô học) cơ bản và bảo vệ sự tồn tại và sứ mệnh phổ quát của đạo mới này.

Vì thế, ngay trong buổi đầu của Giáo hội sơ kì đã xuất hiện các nhà thần học Kitô giáo mà đặc tính cơ bản của họ là bảo vệ, đề cao đạo mới này, thậm chí khẳng định sự thay thế tất yếu của nó với đạo cũ (Do Thái giáo).

Các nhà thần học đầu tiên ấy người ta quen gọi là các *Giáo phụ* (Pères de l'Eglise) hay còn gọi là những *Giáo phụ Tông đồ* (Pères Apostoliques). Hơn nữa, thế hệ đầu tiên của các giáo phụ còn có những nhân vật là học trò trực tiếp của các thánh Tông đồ của chính Chúa Jésus. Những suy tư thần học đầu tiên của họ thường hướng vào vấn đề trung tâm là *những mạc khải* (Révélation divine), trong đó đặc biệt là *mặc khải về Thiên Chúa 3 ngôi* (Dieu comme Trinité). Chính các nhà Minh giáo này đã nâng cao văn chương Kitô giáo và với những suy luận của họ về Mạc khải, đã khơi nguồn cho thần học.

3 mục tiêu mà các giáo phụ cố gắng minh chứng trong các thế kỉ đầu ấy là:

a) Kitô giáo là tôn giáo cổ nhất: Từ *Cựu Ước* là sự mở đầu, đến *Tân Ước* thì hoàn tất.

b) Kitô giáo là tôn giáo phổ quát nhất, chương trình *cứu độ* của Chúa Kitô là hợp lí nhất cho con người, bất kể dân tộc nào.

Kinh Thánh đã gọi Chúa Kitô là *Ngôi Lời* (Logos) của Thiên Chúa. Các nhà Hộ giáo coi đó như là sự nối kết giữa mạc khải và tôn giáo tự nhiên (Ga 1,1). "Tất cả những người sống liên kết với Logos đều là Kitô hữu".

c) Kitô giáo là tôn giáo thực tiễn nhất với ý nghĩa, các vấn đề vũ trụ luận luôn được đưa vào thực hành, giá trị của tôn giáo này bộc lộ rất rõ ở lĩnh vực luân lí.

Chúng ta cũng biết rằng *Kinh Thánh*, nhất là *Cựu Ước*, đều được viết bằng chữ cổ Do Thái (Aram, Hebre...). Chính các giáo phụ thế hệ thứ III thực sự trở thành các nhà thần học, làm nở rộ ảnh hưởng của Kitô giáo ra khỏi phạm vi Trung Cận Đông vì họ đã suy tư, sáng tác nhiều tác phẩm giá trị bằng ngôn ngữ Hy - La.

Lịch sử Công giáo gọi họ là các Thánh giáo phụ Hy Lạp hay các Thánh giáo phụ Latinh. Các sách lịch sử Kitô giáo cho biết tên tuổi các vị nổi tiếng sau đây.

CÁC GIÁO PHỤ LATINH VÀ HY LẠP⁽⁴⁾

300	400	500	600
295.....373	Athanasius.		
329379	Basilius Cả.		
330.....390	Gregor thành Naziauz		
354.....	407 Johannes Chrysostomus		
339..... 397	Ambrosius		
347.....	419 Hiêronymus		
354.....	430 Augustinus		
	Gregor Cả	540....	590.... 604

Thời kì vàng son của các giáo phụ là cuối thế kỉ IV, khi có các cuộc tranh luận lớn, dữ dội về Đức tin. Ở cả 2 khu vực Đông

và Tây (của Đế quốc La Mã) đều có những

4. Xem L.m. Nguyễn Văn Trinh. *Lược sử Hội Thánh Công giáo qua 21 Công đồng*, 1999, tr. 63.

giáo phụ nổi tiếng.

Riêng môn *Chú giải Kinh Thánh* cũng đã ra đời. Lịch sử Hội Thánh không thể bỏ qua trường hợp Thánh Giêrônimô người đã bỏ 35 năm sống chay tịnh, cặm cùi dịch và chú giải Kinh Thánh ra tiếng Latinh, được thầy học của ông là Thánh Jérôme (tức Thánh Giêrônimô) sửa chữa, nhuận sắc, sau này quen gọi là "Bản Jérôme". Bản dịch Kinh Thánh này mãi đến Công đồng Tridentinô (1545-1563), gọi là bản "Vulgata", mới được Giáo hội coi là bản Kinh Thánh chính thức của Công giáo.

Jean Delumeau có đánh giá: "Thời đại vàng của các giáo phụ là ở thế kỉ IV và V. Trong số họ, Athanase, Basile de Césarée, Grégoire de Nysse và Grégoire de Nazianze viết bằng chữ Hy Lạp; Ambroise, Augustin và Jérôme thì bằng Latinh... Các giáo phụ đồng thời đã có hành động giáo thuyết cấp đôi: Họ vừa bảo vệ Kitô giáo chống lại các cuộc tấn công của "tính chính thống" (Païen) Do Thái giáo, vừa phải tranh đấu những dị giáo nảy sinh ngay trong lòng Giáo hội Kitô sơ kì. Họ đã để lại cho lịch sử Kitô giáo những khuôn mẫu vững chắc.

Thánh Augustin là nhân vật có ảnh hưởng đặc biệt to lớn với hệ tư tưởng phương Tây. Sự nhấn mạnh của Thánh Augustin về các *ân sủng* của Chúa cũng như vấn đề tội lỗi đã được người Tin Lành, Pascal và tất cả nền văn hoá Pháp thế kỉ XVII chú ý..."⁽⁵⁾.

Đúng vậy. Thánh Augustin (354-430) là giáo phụ nổi tiếng nhất, người đã đặt nền móng thực sự cho thần học sơ kì và là người xây dựng "Thành trì của Thiên Chúa" (Cité de Dieu).

Là người Italia nhưng sinh ra và chết ở Bắc Phi, ông để lại hàng loạt tác phẩm cho Giáo hội, trong đó nổi tiếng nhất là cuốn *Thú tội (confessions)*, góp phần to lớn tạo ra lối sống, lối thực hành tôn giáo của người Kitô hữu.

Về mặt thần học, đúng như nhận định của J.Delumeau trong sách nói trên,

Augustin là người rao giảng rất hay về các phạm trù thần học cơ bản là *tội lỗi* và *hồng ân* (Péchés, grâce). Đó là hai nội dung tư tưởng thần học thống trị suốt thời Trung cổ và ngày nay nó vẫn có ý nghĩa với tư duy và lối sống Công giáo. Ông còn là người rao giảng về Hội Thánh hữu hình có phẩm trật như là chốn cứu độ duy nhất và sự thánh thiện khách quan của Giáo hội.

3. Giai đoạn thứ hai của thần học: Thần học kinh viện thời Trung cổ

Ở Châu Âu vào thời Trung cổ, không chỉ nhà nước nằm trong vòng tay Nhà thờ mà giáo dục cũng trong tay các giáo sĩ.

Hội Thánh độc quyền về văn hoá tinh thần. Nội dung giáo dục chủ yếu là giáo lí, mặc khải và luân lí Kitô giáo.

Từ thế kỉ XI, kinh tế công thương nghiệp phát triển, dần dần thành thị và tầng lớp thị dân ra đời: hoạt động văn hoá, tri thức cũng có những chuyển biến hơn. Do vậy, các trường dòng của Giáo hội không thể đáp ứng nhu cầu của tri thức phát triển, nên xuất hiện các trường đại học đầu tiên, hoạt động tương đối độc lập với Giáo hội.

Tuy thế, xu hướng đi tìm lại những tác phẩm Kitô giáo buổi đầu của các giáo phụ, nhất là của Augustin rất thịnh hành.

Vào thế kỉ XII, các nhà thần học bắt đầu suy nghĩ về *nền tảng Đức tin* (Thánh Kinh và Thánh truyền) để có "lí luận" sâu hơn. Có những tác giả còn cố gắng tạo ra một cái nhìn hoà hợp, thống nhất Đức tin với khoa học, lí trí với mặc khải, mong hướng tới sự hoà hợp giữa các giá trị rất dễ xung đột này.

Đó là lí do xuất hiện từ *Scholasticus* (từ *skolè* gốc Hy Lạp có nghĩa là câu chuyện lúc rảnh rỗi, học hành). Ngay từ *L'École* ban đầu cũng chỉ có nghĩa là việc giảng dạy ở các trường Đại học thời Trung cổ.

Từ *kinh viện* (Scolastique) lúc đầu để chỉ

5. Nguyên bản J.Delumeau: xem cuốn *Des religions et des hommes*, Paris, 1997, P. 114.

môn triết học và thần học được giảng dạy trong các trường trên, rồi được hiểu là triết học và thần học từ truyền thống các trường này. Đặc điểm của truyền thống ấy là tuyên xưng và nghiệm sinh sự hoà hợp giữa *lí trí* và *mặc khải*, chấp nhận chúng như các dữ kiện căn bản của các tiền đề trong môn thần học với sự nhận thức của con người.

Truyền thống kinh viện vì thế tôn kính từ Aristốt (triết học) đến Augustin và các Thánh giáo phụ về thần học, cũng như các tác phẩm có ý nghĩa nền tảng của họ.

Hơn nữa, trong sự hình thành thần học kinh viện, từ *Scholastique* còn được hiểu như một trường phái, phương pháp kinh viện⁽⁶⁾.

Việc xuất hiện các trường Đại học đầu tiên như trường Đại học Oxford (1133) ở Anh và ở Pháp (1215), trong đó, quan trọng bậc nhất là trường Đại học Sorbonne (1227) của thủ đô Paris, trở thành trung tâm thần học ở Châu Âu với các khoa: nghệ thuật, y học, luật học và thần học. Phương pháp giảng dạy bao gồm các khâu: Giảng (lectio), thảo luận (disputatio) phân tích, tìm giải pháp và kết luận.

Ngoài ra, ở Italia, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Đức, Hà Lan, Áo... cũng có các trường như thế, nghĩa là rải ra khắp Châu Âu.

Về thần học, việc đọc và học *Thánh Kinh* vẫn là nền tảng cho mọi môn học. Tất cả đều dạy và học bằng La ngữ với các môn học quen thuộc.

Vì thế, điều dễ hiểu là *Thần học kinh viện* luôn lấy cơ sở là *tìm hiểu sự hiệp nhất giữa lí trí và Đức tin*, nói cách khác hai nguồn nhận thức ấy phải hoà hợp với nhau.

Từ đó, có hiện tượng người ta đua nhau dịch các tác phẩm của các triết gia Hy Lạp và các tác phẩm ở Byzantin sang tiếng Latinh. Hệ quả là tâm lí say mê triết học lan tràn. Nhưng vị thế của triết học lại là "tôi đòi" cho thần học: người ta áp dụng triết học của Aristốt (nhất là môn *Luân lí học*) để chứng minh rằng, Kitô giáo không đi ngược lí trí, triết học và cả khoa học tự nhiên

cũng vậy. Đặc biệt ở học thuyết của Thánh Thomas d'Aquin mà ta sẽ nói dưới đây.

Tuy vậy, triết học kinh viện cũng bị chia rẽ thành hai phái: phái *Duy danh* (khái niệm chung do tư duy con người đặt ra, là tên gọi các vật cụ thể) và phái *Duy thực* (trước khi có các vật thể thì ý niệm về các vật thể ấy đã phải có trong tư duy con người rồi). Cuộc đấu tranh giữa hai phái này tưởng như kéo dài vô tận trong thời Trung cổ ở Châu Âu.

Nhìn chung, thần học kinh viện thời Trung cổ là cơ sở cho triết học và thần học Kitô giáo kéo dài nhiều thế kỉ cho đến ngày nay, vẫn ảnh hưởng sâu đậm trong tâm thức tôn giáo và cả đời sống sinh hoạt tôn giáo của Cộng đồng dân Chúa.

Người tiêu biểu nhất cho *thần học kinh viện* là Thánh Thomas d'Aquin (1225-1274). Ông là người Italia, dòng Đa Minh, mất lúc 49 tuổi. Với thần học Kitô giáo thời Trung cổ, ông là đỉnh cao nhất. Hàng loạt tác phẩm của ông là một dòng tư tưởng thần học với *những luận đề đặc trưng cho thần học*, những học thuyết có tính truyền thống: nhân tính Đức Kitô và các bí tích, sự thúc đẩy của Thiên Chúa với các hành vi tự do...

Đặc biệt bộ sách *Tổng quát thần học* (*Summa Theologica*) của ông (1266-1273) gồm 6 cuốn với 100 chương, giải quyết 1000 vấn đề thần học trong đó bác bỏ rất nhiều lạc thuyết (tức là những lí thuyết chống lại thần học Công giáo).

Cụ thể, Thomas bàn cặn kẽ nhất về "Thiên Chúa, một bản thể, 3 ngôi vị", là Đấng Tạo Hoá và quan phòng đến mọi vật. Về luân lí Kitô giáo, ông bổ sung suy nghĩ về các nhân đức đối thần: Đức Tin, Đức Cậy, Đức Mến... Đây là những đóng góp lớn vào sự phát triển luân lí Kitô giáo. Ngoài ra, ông cũng bàn đến: Con đường và phương thức *Cứu độ* của Chúa Jésus, một bản khoản thần học cơ bản khác.

6. Xem: *Từ điển Đức tin Kitô giáo*, Sđd. tr. 266.

Từ thế kỉ XII, XIII, thần học về Thiên Chúa luôn cố gắng tập trung những yếu tố hữu cơ của Đức tin Kitô giáo để đáp ứng sự tìm kiếm tự nhiên của trí tuệ ham muốn nắm bắt tất cả, để Đức tin đâm rễ sâu vào trong cuộc sống người Kitô hữu.

Cho đến ngày nay, dù có nhiều thay đổi, các nhà thần học Kitô giáo vẫn coi Thomas là một trong những "khuôn vàng thước ngọc".

Thần học kinh viện lên đến tột đỉnh ở thế kỉ XV, và sau đó là sự thoái trào không gì cứu vãn nổi, mặc dù nó vẫn để lại những dấu ấn sâu đậm đến tận hôm nay trong suy tư người Kitô hữu.

Như vậy là, trong hơn một ngàn năm đầu của lịch sử Kitô giáo, thần học kinh viện có đặc tính cơ bản là luôn đòi hỏi Đức tin phải vượt lên trên lí trí và phải luôn hướng dẫn lí trí. Đây là *nguyên tắc bất di bất dịch* của thần học kinh viện. Các nhà thần học lúc ấy đều nói: *Đức tin hướng đến hiểu biết. Tôi tin để hiểu. Thần học là Đức tin đi tìm sự hiểu biết.*

Sự *bền vững* và sự *phá sản* của thần học kinh viện cũng đều ở chỗ đó.

PHẦN THỨ HAI

NHỮNG KHUYNH HƯỚNG THẦN HỌC CHỦ YẾU TRONG THẾ KỈ XX

1. Những rạn nứt đầu tiên trong thế kỉ XVI: Thần học Tin Lành

Cuộc khủng hoảng và suy vong của thần học kinh viện thực ra đã bắt đầu ngay từ thế kỉ XV, XVI, khi Giáo hội La Mã đứng trước những thách thức lớn.

Trong đó, cuộc li khai của *Tin Lành*, sử Công giáo quen gọi họ là "Thệ phản" ("Protestant"), được coi là những đòn đau đớn bậc nhất đánh vào Giáo hội Rôma, có những ảnh hưởng thực sâu xa và lâu dài.

Bắt đầu từ thế kỉ XVI, trong ngôn ngữ thần học xuất hiện một số thuật ngữ mới cùng với làn sóng cải cách tôn giáo của Tin Lành. Nói đúng hơn là một *dòng thần học mới*.

Lúc đầu là *Thần học Kinh Thánh* (Théologie biblique). Đây là loại thần học thực sự chỉ dựa vào văn bản Thánh Kinh để rút ra những chủ đề chính của sự *mặc khải*. Rồi *Thần học thực chứng* (Théologie positive) là thứ thần học rút ra các cứ liệu Đức tin từ nhiều nguồn, không chỉ Kinh Thánh, mà còn khai thác, đối chiếu với sách vở của các giáo phụ.

Thần học Tin Lành đã bắt đầu như thế. Trong đó, đáng nói trước hết là trường hợp Martin Luther (1483-1546). Khi nghiên cứu thần học kinh viện, bằng tài năng và sự dũng cảm hiếm có, ông đã đưa ra những *mệnh đề* đối lập với hệ thống triết học, thần học kinh viện:

- Chỉ có *Thánh Kinh* là nguồn duy nhất, phải loại bỏ *Thánh truyền* (chủ yếu là văn kiện các Công đồng).

- Con người chỉ đạt đến sự *công chính* qua Đức tin và nhờ vào *ân sủng* của Thiên Chúa. Nhưng không hề có sự cứng nhắc về *ơn cứu độ* (*salut*) trong giáo lí của Giáo hội.

Từ đó, Luther xác định:

- a) Trong 7 bí tích, duy chỉ có *bí tích thánh tẩy* (rửa tội) và Bữa tiệc Thánh (bí tích Thánh thể) là có bằng chứng trong Kinh Thánh.

- b) Hội Thánh là cộng đoàn của những người tin, chứ không phải là người quản lí và người trung gian của ơn cứu độ.

- c) Linh mục không phải là người có quyền ban hành *linh thánh* và là người trung gian của ân sủng. Họ chỉ là người phục vụ *Lời Chúa qua rao giảng* về mục vụ (hay có chỗ gọi họ chỉ là những kẻ có chức vị như một *tư tế cộng đoàn*).

Luther đã tạo ra 3 nguyên tắc thần học mới:

- a) Được tự do giải thích để đi tìm chân lí mặc khải của Kinh Thánh.

- b) Con người được *Cứu rỗi* nhờ đức tin, không lệ thuộc vào hành trạng các cá nhân.

- c) Quyền tư tế phổ cập: sau khi chịu *phép Rửa*, mọi tín hữu đều có quyền dự

chung vào quyền tư tế, không phân biệt giáo hữu với linh mục...

Cũng cần nói thêm, M. Luther còn công khai tranh luận rằng, ông phủ nhận quyền *bất khả ngộ* của Công đồng và *quyền tối thượng* của Giáo hoàng.

Gần đây Vatican và Giáo hoàng nói nhiều về vấn đề sám hối và xin lỗi. Năm 1996, tại Paderborn (Đức), Giáo hoàng J. Paul II đã phải nói về Luther như sau: "Tư tưởng của Luther được làm rõ nét bằng sự nhấn mạnh đáng lưu ý được đặt trên cá nhân hơn là trên ý thức của những đòi hỏi cộng đoàn. Lời yêu cầu cải cách Giáo hội chính là lời yêu cầu của Luther... Và cũng chính nhiệt huyết của Luther đã dẫn ông đi xa hơn ý định ban đầu và dẫn đến một sự chỉ trích căn bản về Giáo hội Công giáo, về cơ cấu và về giáo lí của Giáo hội. *Tất cả chúng ta đều phạm sai lầm*. Chúng ta cũng được kêu gọi ăn năn và tất cả chúng ta luôn luôn cần được Chúa làm trong sạch lại"⁽⁷⁾.

Để chống đỡ sức công phá mạnh mẽ của Phong trào cải cách Tin Lành, bảo vệ tính "chính thống", Giáo hội Roma cũng có những nỗ lực thần học. Thế là dòng *Thần học cơ bản* (Théologie fondamentale) ra đời như là thứ thần học cứu cánh có chức năng bảo vệ hoặc biện minh, gồm có việc nghiên cứu lời Chúa và cách con người tiếp nhận. Dòng thần học này trở thành chỗ dựa, thứ vũ khí chủ yếu chống lại xu thế Cải cách (Thần học Tin Lành đã và đang lan rộng) mà lịch sử Giáo hội Công giáo gọi là *Phản cải cách* (contre - Reforme).

Ngoài ra, cũng còn xuất hiện các dòng *Thần học suy lí* (Théologie spéculative), *Thần học bản thể* (Théologie naturelle), *Thần học phổ cập* (Théologie commune)... Tất cả đều phản ánh sự phân hoá ngày càng rõ rệt của nền thần học kinh viện Châu Âu.

2. Bước vào thế kỉ XVII, XVIII

Sự phê phán thần học kinh viện còn quyết liệt và sâu rộng hơn: sự phê phán thần học Công giáo không chỉ đóng khung trong

những chủ đề "thuần túy", mà nó lan ra cả phương diện xã hội và lịch sử tư tưởng, học thuật nói chung.

Bắt đầu là sự xuất hiện *thuyết Duy lí* (Rationalisme) của phong trào "Khai sáng" (*Thế kỉ Ánh sáng*) ở Pháp và nhiều nước Châu Âu.

Cái lõi của thuyết *Duy lí* là đề cao tư tưởng trần thế, sức mạnh của lí trí (Ratio) của con người. Lí trí tự mình chứng khả năng đón nhận các quy luật tự nhiên và xã hội. Ngay các thiết chế xã hội (nhà nước, luật pháp) cũng cần xem lại nó có đáp ứng những nhu cầu của lí trí hay không. Có nhà tư tưởng đã dám nói: "Luật tự nhiên không biến đổi vì chính Thiên Chúa cũng không thể biến đổi nó được" (Hygo Grotius).

Những đường hướng căn bản về phê bình văn bản cũng được áp dụng vào *khoa chú giải Kinh Thánh* và cuộc tranh luận quyết liệt về mối quan hệ giữa tôn giáo và nhà nước cũng bắt đầu (Spinoza).

Ngoài những tên tuổi như Montesquieu (1689-1755), Voltaire (1694-1778), J. Rousseau (1712-1778)... cần lưu ý nhóm *Bách khoa thư* (1746-1772) với hàng trăm nhà tư tưởng bác học và văn sĩ do D. Diderot (1713-1784) đứng đầu. Họ tấn công tư tưởng phong kiến của Giáo hội, đề cập đến chính trị, đạo đức, nghệ thuật, triết học... Tất cả đều được *tư tưởng Duy lí* soi rọi, phản ánh nhiều sắc thái của chủ nghĩa Duy vật.

Rồi cuộc Đại cách mạng Pháp giáng một đòn quyết định vào Giáo hội. Ngày 26.8.1789, Quốc hội lập hiến thông qua bản *Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền* gồm 17 điều, trong đó có vấn đề *tự do lương tâm* (la liberté de conscience), *tự do báo chí và giáo dục* (la liberté de la presse et de l'enseignement)...

Cách mạng tư sản Pháp không chỉ cắt đứt liên hệ của Giáo hội với Vatican, thu hẹp

7. L.Accattoli. *Khi Giáo hoàng nói lời xin lỗi*, bản dịch, 2000, tr. 243-244.

mọi đặc quyền kinh tế, chính trị, văn hoá giáo dục của Giáo hội mà còn cổ vũ phong trào "phi Công giáo hoá", tục hoá ở Châu Âu...

Jean Delumeau trong cuốn *Về những tôn giáo và con người* nói trên, đã có nhận xét rằng, đúng là có một luồng gió mới thổi vào Giáo hội Kitô giáo ở thế kỉ XIX. Ông viết: "Ở thế kỉ XIX, Kitô giáo dù vẫn có vị trí trong các nước Kitô giáo già cỗi, nhưng nó luôn là đối tượng của các cuộc tranh cãi và bác bỏ"⁽⁸⁾. Tác giả cũng đưa ra ví dụ: ở Pháp, năm 1832, linh mục Lamennais đã xuất bản tạp chí *L'Avenir* đòi chia tách Giáo hội và Nhà nước và đòi quyền tự do lương tâm. Các chủ đề về "tiến bộ", "chủ nghĩa tự do" (libéralisme), "văn minh hiện đại" (civilisation moderne) luôn được bàn đến trên tạp chí *L'Avenir*. Đặc biệt cuốn *Thiên Chúa và tự do* (Dieu et la liberté) của ông đã gây chấn động ở Pháp và Châu Âu⁽⁹⁾.

Đúng là 3 thập kỉ của thế kỉ XIX (1830 - 1860) được coi là thời đại của *chủ nghĩa tự do* (Le temps du libéralisme) và chủ đề *Thiên Chúa và tự do* ("Dieu et la liberté") mà Lamennais dự báo sẽ tiếp tục giáng những đòn chí mạng vào thần học kinh viện. Bên cạnh là những khuynh hướng tư tưởng xã hội mới như "tự do", "dân chủ"... cũng tấn công vào pháo đài thần học kinh viện bằng những vũ khí mới. Tất cả đã chín muồi và tư tưởng *Công giáo xã hội* (Catholicisme social) thực sự ra đời. Người ta còn gọi phong trào này là phong trào *tự do Công giáo* (Courant libéral catholique).

Về phía Giáo hội, sự chống đỡ rõ nhất là ở *Công đồng Vatican I* (1869-1870): lên án thuyết Duy lí, vô thần, khoa học độc lập với Đức tin và chủ trương đòi tách Giáo hội Pháp ra, độc lập với Vatican, khẳng định tín điều *bất khả ngộ* của Giáo hoàng, v.v...

Năm 1879, Giáo hoàng Léo XII vẫn khẳng định, thần học của Thomas d'Aquin phải là nền tảng của Giáo hội.

"Nếu ai nói rằng, mặc khải thiên linh không thể qua những dấu chứng bên ngoài tin tưởng được, chính vì thế chỉ qua cảm nghiệm nội tâm hay thông qua ban ân sủng cá nhân mới chuyển con người đi đến đức tin, thì kẻ đó bị kết án" (điều 3, D. 1812) (*Văn kiện Công đồng Vatican*)⁽¹⁰⁾.

Giáo triều Vatican còn lực lượng. Nhiều nhà thần học (bảo thủ) vẫn cố giữ đường hướng Thánh Kinh, dựa vào các giáo phụ, dung hoà suy lí với lịch sử. Để chống lại thuyết Duy lí và chủ nghĩa hoài nghi, Thần học chính thống vẫn cố tạo ra sự "hoà hợp giữa lí trí và Đức tin" (Thông điệp của Giáo hoàng Léo XIII, *Aeterni Patris*, năm 1879), Giáo hội lập ra *Trường Thánh kinh Jerusalem* và tạp chí *Revue biblique*, v.v... là những dấu chứng. Tất cả để chứng minh nguồn gốc Tín điều đã có cả ở Thánh Kinh.

(kì sau đăng tiếp)

8. J. Delumeau, *Des religions...* Sđd. P. 331.

9. J. Delumeau, *Des religions...* Sđd. P. 332.

10. Dẫn lại sách của Nguyễn Văn Trinh, Sđd. tr. 272.